

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2022/ DS-PT
Ngày: 16-6-2022
V/v tranh chấp thừa kế về tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán:

Ông Lê Văn Duy

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hậu là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phạm Tố Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2021/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 về Tranh chấp thừa kế về tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2021/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 113/2022/QĐXXPT-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ch, sinh năm 1938

Cư trú tại: Tổ 52, KV 6, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1977 (theo văn bản ủy quyền ngày 25/1/2021). (Có mặt)

Cư trú tại: 114 Nguyễn H, thôn Phong T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1941. (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Lê Thành N (theo văn bản ủy quyền ngày 6/5/2021).

Cùng cư trú tại: Xóm 2, Thôn Thọ N, xã Phước N, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lê Thị Thúy K (có mặt)

2. Anh Quách Toàn H

Người đại diện theo ủy quyền cho anh Quách Toàn H là anh Lê Thành N (theo văn bản ủy quyền ngày 02/6/2022).

3. Anh Lê Thành N

Cùng cư trú tại: Xóm 2, thôn Thọ N, xã Phước N, huyện T, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Ngọc L – Bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Nguyễn Đình T là Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị Ch trình bày:

Cha bà Ch là cụ Phạm M (chết năm 1946), mẹ là cụ Nguyễn Thị L1 (chết năm 1996), cha mẹ bà có một người con duy nhất là bà.

Ngày 22 tháng 6 năm 1947, mẹ bà Ch mua của ông Trương H1 thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 629,2m² tọa lạc tại thôn Thọ N, xã Phước N, huyện T, tỉnh Bình Định của ông Trương H1 được bà Nguyễn Thị L1 (có Tờ bán đất thổ và bản sao địa đồ Đại Nam Trung Kỳ Chánh Phủ tỉnh Bình Định do ông Trương H1 đứng tên).

Năm 1949, bà L1 kết hôn cùng với cụ Nguyễn S và ở trên thửa đất khác do cụ S tạo lập, vợ chồng cụ L1 cụ S có xây dựng ngôi nhà cấp 4 kiên cố trên thửa đất này vào năm 1961 cũng tại thôn Thọ N, xã Phước N (*không phải đất tranh chấp hiện nay bà Nguyễn Thị Ngọc L sinh sống sử dụng*).

Cụ S trước khi sống chung với cụ L1 thì cụ S có kết hôn cùng với cụ Nguyễn Thị Kim A và có một người con chung là bà Nguyễn Thị Ngọc L. Cụ S cụ A ly hôn đến năm 1949 cụ S tái hôn với cụ L1.

Thửa đất mẹ bà Ch mua 1947 của ông Trương H1 đã cho bà Ch và giao giấy tờ trước năm 1975 cho bà Ch đứng tên kê khai trong thời điểm vào hợp tác xã, Chính quyền cách mạng thời đó đã công nhận đất này của bà Ch nhưng chưa kịp làm giấy chuyển nhượng. Bà Ch đi lấy chồng xa không ở tại Phước N nhưng vẫn đi về và nộp tiền thuế cho Nhà nước từ năm 1975 và đến ngày 16/8/2002 bà Ch nộp tiền “lệ phí cấp Giấy chứng nhận giao quyền” cho UBND xã Phước N (có phiếu thu gốc-thủ quỹ thu tiền là 25.000đ). Người thu tiền ghi trong hóa đơn là ai bà Ch không nhớ nhưng người nộp tiền là chồng bà Ch đi nộp nhưng ký thay cho bà Ch, bà Ch chỉ có thửa đất duy nhất của mẹ bà Ch để lại. Ngoài ra, bà Ch không còn thửa đất nào khác tại địa bàn xã Phước N.

Sau khi ly hôn với cụ S, cụ Nguyễn Thị Kim A ở tại thôn Công Ch, thị trấn T. Sau năm 1975 cụ A mới về lại Thọ N, không có chỗ ở nên cụ Kim A ở nhờ nhà em của bà là nhà ông Nguyễn Văn L2 một thời gian.

Vì cụ Kim A muốn sống gần với con gái là Nguyễn Thị Ngọc L (con chung của bà A – ông S) nên năm 1985 cụ Kim A xin mẹ bà Ch một khoảnh đất trống để tá túc hết quãng đời còn lại rồi trả lại sau khi qua đời. Thấy bà Kim A hoàn cảnh khó khăn không nơi nương tựa nên mẹ bà Ch đã đồng ý cho cụ Kim A xây quán bán tạp hóa và ở tạm trên thửa đất của cụ Nguyễn Thị L1 (chỉ nói bằng miệng

không có giấy tờ viết tay). Trong khi đang làm quán thì bà Ch về, bà Ch không đồng ý cho xây quán nhưng bà A đã xây gần xong quán.

Năm 1993 cụ S (chết). Cụ Kim A sống được một thời gian đến năm 1995 cụ A chết, cụ L1 lấy lại quán và trông coi nhưng vẫn chưa sử dụng.

Đến năm 1996 cụ L1 chết, trước khi chết cụ L1 có giao lại toàn bộ các giấy tờ liên quan đến việc mua đất cho bà Phạm Thị Ch được toàn quyền sử dụng.

Vì cụ Kim A đã chết chỉ còn lại con gái là bà L không có đất trồng trọt canh tác nên đến năm 2003, bà L nói với bà Ch cho sử dụng mảnh đất của mẹ bà Ch để lại và nộp thuế cho Nhà nước khi nào bà Ch cần thì bà L trả lại mảnh đất cho bà Ch.

Cuối năm 2019, bà Ch về thăm nhà thì được biết bà L cho con mình xây dựng nhà trên thửa đất này mà chưa có sự đồng ý của bà Ch. Việc làm của bà L và những người con bà L đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ch.

Bà Ch khởi kiện yêu cầu được thừa kế toàn bộ thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 629,2 m² vì bà Ch là con duy nhất của cụ L1 mà thửa đất này cụ L1 có trước khi kết hôn với cụ S năm 1949, việc cụ A ở nhờ và tự kê khai đăng ký QSDĐ và UBND xã Phước N ghi vào sổ đăng ký là không đúng vì cụ A không có giấy tờ gốc thửa đất, bà Ch là người nộp tiền đăng ký QSDĐ vào năm 2002 và giấy tờ gốc thửa đất; Yêu cầu vợ chồng chị Lê Thị Thúy K, anh Quách Toàn H tháo dỡ nhà tự xây năm 2019 có giá trị 209.224.000 đồng; Yêu cầu bà L tháo dỡ nhà giá trị 21.025.000 đồng do cụ A xây.

Đối với yêu cầu phản tố của bà L được chia thừa kế phần của cụ Kim A và cụ S đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 629,2m² tọa lạc tại thôn Thọ N, xã Phước N, huyện T, tỉnh Bình Định, bà Ch không đồng ý vì thửa đất này là của mẹ bà là cụ L1 có trước khi kết hôn với cụ S năm 1949, việc cụ A ở nhờ và tự ý đăng ký kê khai tại UBND xã Phước N là không đúng pháp luật vì cụ A không có giấy tờ gốc của thửa đất, hơn nữa cụ A và cụ S đã ly hôn nhau, từ khi cụ S sống chung với cụ L1 năm 1949 thì cụ A không sống chung với cụ S.

Ngoài ra bà Ch không yêu cầu gì khác .

Anh Lê Thành N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

Bà L công nhận về mối quan hệ gia đình, nguồn gốc nhà đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 629,2 m² tọa lạc tại thôn Thọ N, xã Phước N, huyện T, tỉnh Bình Định như anh T đại diện cho bà Ch trình bày là đúng.

Bà L công nhận khu vườn tranh chấp của cụ L1 có từ năm 1947 trước khi cụ L1 tái hôn với cụ S năm 1949. Cụ S và cụ L1 cho cụ A ở nhờ chỉ cho miệng chứ không có giấy tờ gì, cụ A chết 1995 tại khu vườn này.

Khi cụ S chết năm 1993 và cụ A chết năm 1995 không để lại di chúc nên bà L là con đẻ cụ S, cụ A nên tài sản là ngôi nhà do cụ A xây dựng để lại cho bà L.

Bà Ch đi lấy chồng ở phường Nhơn B, thành phố Q, tỉnh Bình Định và bà Ch không chăm sóc cha mẹ là cụ S, cụ L.

Bà L công nhận năm 1995 khi cụ A chết thì bà L quản lý sử dụng thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 629,2 m² tọa lạc tại thôn Thọ N, xã Phước N, huyện T, tỉnh Bình Định đã có sẵn ngôi nhà do mẹ bà là Nguyễn Thị Kim A xây dựng (ngôi nhà này vẫn còn nguyên vẹn không sửa chữa gì), sau khi cụ A chết thì bà L

chỉ trông coi khu vườn cụ A chết để lại và hiện nay đang tranh chấp, còn bà L vẫn ở tại nhà chính khác do cụ S tạo lập.

Con trai bà L là Lê Thành N không ở tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 629,2 m² nhưng đến khi kê khai theo dự án Wláp năm 1995 thì anh N đứng tên kê khai chứ N không ở và quản lý, sử dụng thửa đất này.

Năm 2019, bà L cho con gái là Lê Thị Thúy K một phần diện tích khoảng 100m² để xây nhà ở gần bên nhà cũ của cụ Kim A xây dựng từ năm 1985 thì bà Ch không đồng ý và khởi kiện.

Nay bà Ch yêu cầu được thừa kế toàn bộ thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 629,2 m² tọa lạc tại thôn Thọ N, xã Phước N, huyện T, tỉnh Bình Định thì bà L không đồng ý, bà L cũng không đồng ý tháo dỡ nhà giá trị 21.025.000 đồng cụ Anh đã xây năm 1985 vì từ năm 1971 mẹ bà L là cụ Kim A ở, đến năm 1995 cụ A chết bà L vẫn canh tác, đóng thuế cho nhà nước liên tục nhiều năm nay, còn bà Ch từ khi đi lấy chồng không ở tại ngôi nhà này và cũng không canh tác, về Giấy tờ nhà đất thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 629,2 m² do nhiều năm nên bị thất lạc không biết ở đâu.

Bà L phản tố yêu cầu chia thừa kế phần của cụ A và cụ S đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 629,2 m² tọa lạc tại thôn Thọ N, xã Phước N, huyện T, tỉnh Bình Định và yêu cầu được hoàn trả lại tiền thuế, tiền công trông coi, giá trị bồi trúc trong khu vườn theo quy định của pháp luật. Sau đó bà L rút lại yêu cầu được hoàn trả lại tiền thuế, tiền công trông coi, giá trị bồi trúc trong khu vườn vì giá trị không đáng kể, vì tình cảm; Giữ nguyên yêu cầu phản tố được chia thừa kế thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 629,2 m² tọa lạc tại thôn Thọ N, xã Phước N, huyện T, tỉnh Bình Định, phần của cụ S và của cụ Kim A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lê Thị Thúy K trình bày: Năm 2019 mẹ chị là bà L cho chị 100m² để xây dựng nhà ở tại khu vườn thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 629,2 m². Nay bà Ch yêu cầu chị K tháo dỡ ngôi nhà mà chị K xây dựng năm 2019 thì chị K không đồng ý hoàn trả lại đất cho bà Ch vì đây là đất của mẹ chị là bà L cho. Chị K công nhận không có giấy tờ gì về nhà đất.

Chị K công nhận khi xây dựng năm 2019 thì UBND xã Phước N có lập biên bản vi phạm nhưng chị K vì không có nhà ở nên vẫn tiếp tục xây xong và ở trên khu vườn này.

2. Anh Quách Toàn H trình bày: Tòa đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H không đến tòa, không có văn bản trình bày ý kiến.

3. Anh Lê Thành N trình bày: Anh N không quản lý sử dụng thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 629,2 m² tọa lạc thôn Thọ N. Anh N không yêu cầu gì cho riêng mình.

Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2021/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T quyết định:

1. Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 629,2m² tọa lạc tại thôn Thọ N, xã Phước N, huyện T là tài sản chung vợ chồng cụ Nguyễn Thị L1 và cụ Nguyễn S.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Phạm Thị Ch được thừa kế Quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Thị L1 471,7m² (133m² đất ở, 338,7 m² đất vườn)/630,3m² thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 629,2 m² tọa lạc tại thôn Thọ N, xã Phước N, huyện T, tỉnh Bình Định.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Ngọc L được thừa kế Quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn S 158,6m² (66,6m² đất ở, 92m² đất vườn)/630,3m² thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 629,2m² tọa lạc tại thôn Thọ N, xã Phước N, huyện T, tỉnh Bình Định.

Về vị trí cụ thể: Có sơ đồ kèm theo.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Ngọc L được thừa kế tài sản của cụ Nguyễn Thị Kim A ngôi nhà 36,2m² do cụ A xây dựng năm 1986 nằm trong phạm vi đất được chia cho bà Ch và buộc bà Ch hoàn trả lại cho bà L giá trị 21.025.000 đồng.

5. Bác yêu cầu của bà Phạm Thị Ch đối với bà L phải tháo dỡ ngôi nhà 36,2 m² do cụ A xây dựng năm 1986, giá trị 21.025.000đ, thuộc trong phạm vi đất được chia cho bà Ch.

6. Bác yêu cầu của bà L được thừa kế phần tài sản cụ L1.

7. Bác yêu cầu của bà Phạm Thị Ch đối chị Lê Thị Thúy K và anh Quách Toàn H phải tháo dỡ ngôi nhà 86,2m², giá trị 208.280.000đ xây dựng năm 2019 vì ngôi nhà không thuộc phạm vi đất chia cho bà Ch mà thuộc trong phạm vi đất được chia cho bà L.

8. Đối với thửa đất số 30, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại thôn Thọ N, xã Phước N, huyện T, tỉnh Bình Định do anh Lê Thành N đứng tên kê khai, đăng ký nếu sau này đương sự tranh chấp thì tách bằng vụ kiện khác.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, tiền định giá tài sản và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 15/9/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Ngày 01/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định kháng nghị cho rằng bà A đã sử dụng thửa đất tranh chấp trên 30 năm nên được công nhận quyền sử dụng theo Điều 236 BLDS năm 2015, 392m² đã được nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất cho bà A theo nghị định 64/NĐ-CP nhưng tòa án cấp sơ thẩm lại xác định của bà L1 và ông S là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 26 luật Đất đai năm 2013, do tồn tại lịch sử các quan hệ hôn nhân nhiều vợ nhiều chồng trước ngày luật hôn nhân gia đình năm 1959 có hiệu lực nên bà A và bà L1 đều là vợ ông S nên bà A được quyền hưởng thừa kế của ông S, bà L từ nhỏ sống với ông S và bà L1 nên giữa bà L và bà L1 có mối quan hệ nuôi dưỡng chăm sóc như mẹ với con nên Tòa sơ thẩm không cho bà L được thừa kế tài sản của bà L1 là không phù hợp Điều 654 BLDS năm 2015, Tòa cấp sơ thẩm không tính công sức quản lý di sản cho bà L là không đúng, Tòa cấp sơ thẩm chia cho bà L 158,6m² (66,6m² đất ở, 92m² đất vườn) là không tách thửa được theo Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực

hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc L và chấp nhận kháng nghị của VKSND tỉnh Bình Định, sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại đất của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc L và kháng nghị của viện kiểm sát, HĐXX thấy rằng:

[1.1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định nguồn gốc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 629,2m² (trong đó 200m² đất ở và 429,2m² đất đất vườn) đang tranh chấp tọa lạc tại thôn Thọ N, xã Phước N, huyện T, tỉnh Bình Định và quá trình quản lý, sử dụng qua các thời kỳ như sau:

Trước năm 1975 là của bà Nguyễn Thị L1 (mẹ của bà Ch) quản lý, sử dụng. Sau năm 1975 diện tích đất này không ai quản lý, sử dụng vì bà Ch và bà L1 sống với ông Nguyễn S trên đất của ông S nên bà Nguyễn Thị Kim A quản lý, sử dụng thửa đất này và xây nhà trên đất để sinh sống.

Năm 1980 đo đạc theo chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ Tướng Chính Phủ (gọi tắt là Bản đồ 299) thì bà A đứng ra kê khai nộp thuế thửa đất tranh chấp có số thửa 693, tờ bản đồ số 01, diện tích 640m² trong đó đất ở 200m², đất vườn 440m².

Năm 1993, thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc giao quyền sử dụng ruộng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài cho nhân dân, thì thửa đất tranh chấp có số thửa 466, tờ bản đồ số 3, có diện tích 592m² trong đó đất ở 200m², đất vườn 392m² do bà Nguyễn Thị Kim A đứng tên kê khai.

Đến năm 1995 bà Nguyễn Thị Kim A chết thì con bà A là bà L quản lý thửa đất này. Năm 2002 thực hiện quyết định số 389 của UBND tỉnh Bình Định về đo đạc nhà ở và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân trên địa bàn xã Phước N thì ông Lê Thành N là con của bà Nguyễn Thị Ngọc L và là cháu bà A đứng tên kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nhưng đến nay vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và thửa đất đã được chỉnh lý thành thửa đất số 718, tờ bản đồ số 3, diện tích 535m² trong đó đất ở 200m², đất vườn 335m².

Từ khi quản lý sử dụng đất đến nay bà Nguyễn Thị Kim A là người nộp thuế, sau khi bà A chết thì anh Lê Thành N cháu của bà A nộp thuế.

Như vậy hội đồng xét xử có cơ sở để khẳng định rằng sau năm 1975 diện tích đất này không ai quản lý, sử dụng vì bà Ch và bà L sống với ông Nguyễn S trên đất của ông S nên bà Nguyễn Thị Kim A quản lý, sử dụng thửa đất này và xây nhà trên đất để sinh sống cho đến khi bà A chết năm 1995 thì bà L và anh N (con và cháu bà A) tiếp tục quản lý, sử dụng cho đến nay, chính quyền địa phương cũng đã công khai các lần đăng ký kê khai nhưng bà L1, bà Ch không có ý kiến gì. Năm 1980 kê khai theo chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ Tướng Chính Phủ, năm 1993 kê khai theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và đến năm 2002 kê

khai làm giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất theo chủ trương của UBND tỉnh Bình Định tại các lần kê khai bà L1 và bà Ch không ai tiến hành đăng ký kê khai, gia đình bà A là người đăng ký kê khai, sử dụng liên tục và đã thực hiện nộp các khoản thuế đất đầy đủ theo quy định cho đến nay đã hơn 40 năm nên gia đình bà A được công nhận quyền sử dụng đất theo Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà Ch cho rằng năm 1985 bà A xin ở nhờ trên thửa đất của bà L1 (mẹ bà Ch) nhưng hiện nay bà A và bà L1 đều đã chết (bà A chết năm 1995, bà L1 chết năm 1996), bà L, anh N không thừa nhận ở nhờ và bà Ch không có tài liệu chứng cứ gì thể hiện bà A ở nhờ trên đất bà L1 nên bà Ch cho rằng năm 1985 bà A xin ở nhờ trên thửa đất của bà L1 (mẹ bà Ch) là không có cơ sở.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án bà Ch có nộp cho Tòa Phiếu thu ngày 16/8/2002 về việc thu tiền phí cấp giấy chứng nhận giao quyền sử dụng đất với số tiền 25.000 đồng để chứng minh bà Ch chưa từ bỏ quyền quản lý đối với diện tích đất của mẹ mình nhưng tại Công văn số 80/UBND-ĐC ngày 28/9/2020 UBND xã Phước N đã trả lời: Năm 2002 thực hiện quyết định số 389 của UBND tỉnh Bình Định về đo đạc nhà ở và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân trên địa bàn xã Phước N thì ông Lê Thành N là con của bà Nguyễn Thị Ngọc L và là cháu bà A đứng tên kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất đang tranh chấp, còn bà Ch không biết nộp để cấp cho thửa đất nào vì qua đo đạc, đăng ký kê khai thì trong hồ sơ chính lý năm 2002 không có tên bà Ch (bà Ch không có đăng ký kê khai) nên phiếu thu của bà Ch nộp cho tòa không liên quan đến thửa đất đang tranh chấp.

Từ những phân tích tại [1.1], [1.2], Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm công nhận thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 629,2 m² tọa lạc tại thôn Thọ N, xã Phước N, huyện T là tài sản chung vợ chồng bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn S và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ch được chia thừa kế một phần thửa đất này là không có cơ sở. Nên cần phải sửa bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ch là có căn cứ.

[2] Về án phí:

[2.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Phạm Thị Ch được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[2.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ch phải chịu nhưng vì bà Ch là người cao tuổi nên theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Ch không phải chịu.

[3] Về chi phí tố tụng:

Bà Phạm Thị Ch phải chịu 14.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm. Bà Ch đã nộp tạm ứng 6.000.000 đồng, bà L đã nộp tạm ứng 8.000.000 đồng nên bà Ch còn phải hoàn lại cho bà L 8.000.000 đồng.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc L và chấp nhận kháng nghị của VKSND tỉnh Bình Định, sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại đất của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 221, 236 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L và chấp nhận kháng nghị của VKSND tỉnh Bình Định. Sửa bản án sơ thẩm số 50/2021/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ch được thừa kế toàn bộ thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 629,2m² (trong đó 200m² đất ở và 429,2m² đất vườn) tọa lạc tại thôn Thọ N, xã Phước N, huyện T, tỉnh Bình Định.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Ch được miễn nộp. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc L 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005879 ngày 06/7/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện T.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc L không phải chịu.

4. Về chi phí tố tụng:

Bà Phạm Thị Ch phải chịu 14.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm. Bà Ch đã nộp tạm ứng 6.000.000đồng, bà L đã nộp tạm ứng 8.000.000 đồng nên bà Ch còn phải hoàn lại cho bà L 8.000.000 đồng.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

5.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Minh Dũng